



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 293009/MT/053009/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 1 (Đầu vào HTXL nước thải)
Tọa độ: 0573431/1120709
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 4,0 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/09/2025 đến 08/10/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 053009MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h50 đến 11h10 ngày 30/09/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,68 (tại 30,1°C)	6-9	5,5-9
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	12	32,4	54
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	70,00	54	108
4	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)	5,4	10,8
5	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	20	81	162
6	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,1	40	40
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	9,53	21,6	43,2
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,14	4,32	6,48

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) Cột A và (**) Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Kf = 0,9; Kq = 1,2 (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

(Signature)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gởi đến.
Test results are valid for the sample(s) submitted only.
2. Tên mẫu, nơi gởi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
9	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,30	5,4	10,8
10	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$4,0 \times 10^2$	3.000	5.000
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
12	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00008)	0,0054	0,0108
13	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,015	0,108	0,54
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
15	Hàm lượng Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,054	0,108
16	Hàm lượng Crom III (Cr^{3+})	mg/L	US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	0,022	0,216	1,08
17	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	2,16	2,16
18	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,09	3,24	3,24
19	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0040	0,216	0,54
20	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,06	0,54	1,08
21	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	3,40	1,08	5,4
22	Hàm lượng Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500- CN^- .C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,0756	0,108
23	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,0003)	0,108	0,54
24	Hàm lượng Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	SMEWW 4500- S^{2-} .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)	0,216	0,54
25	Hàm lượng Florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4500 F^- .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	5,4	10,8
26	Hàm lượng Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL = 0,30)	1,08	2,16

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 303009/MT/053009/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 2 (Nước thải làm mát và nước thải sau xử lý (Trước khi xả ra sông Hậu))
Tọa độ: 0574161/1120457
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 4,0 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/09/2025 đến 08/10/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 053009MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h50 đến 11h10 ngày 30/09/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,67 (tại 30,2°C)	6-9	5,5-9
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	8	32,4	54
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	46,00	54	108
4	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)	5,4	10,8
5	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16	81	162
6	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,2	40	40
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	7,29	21,6	43,2
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	KPH (MDL = 0,02)	4,32	6,48

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) Cột A và (**) Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Kf = 0,9; Kq = 1,2 (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

(Signature)



CHỖ GIẤM ĐỌC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the sample(s) submitted only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
9	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)	5,4	10,8
10	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$2,0 \times 10^2$	3.000	5.000
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
12	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00008)	0,0054	0,0108
13	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,108	0,54
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
15	Hàm lượng Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,054	0,108
16	Hàm lượng Crom III (Cr^{3+})	mg/L	US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,005)	0,216	1,08
17	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	2,16	2,16
18	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)	3,24	3,24
19	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,216	0,54
20	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,01)	0,54	1,08
21	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	0,43	1,08	5,4
22	Hàm lượng Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500- CN^- .C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,0756	0,108
23	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,0003)	0,108	0,54
24	Hàm lượng Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	SMEWW 4500- S^{2-} .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)	0,216	0,54
25	Hàm lượng Florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4500 F^- .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	5,4	10,8
26	Hàm lượng Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL = 0,30)	1,08	2,16

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 313009/MT/053009/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 3 (Nước thải sau xử lý tại bồn chứa nước (Trước khi xả ra kênh thải hồ)
Tọa độ: 0573680/1120706
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 4,0 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/09/2025 đến 08/10/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 053009MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h50 đến 11h10 ngày 30/09/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,77 (tại 30,9°C)	6-9	5,5-9
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	10	32,4	54
3	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	22,00	54	108
4	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)	5,4	10,8
5	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	18	81	162
6	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,9	40	40
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,72	21,6	43,2
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	KPH (MDL = 0,02)	4,32	6,48

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) Cột A và (**) Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, K_f = 0,9; K_q = 1,2 (theo yêu cầu khách hàng); - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH



1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the sample(s) submitted only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn 1 (*)	Giới hạn 2 (**)
9	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)	5,4	10,8
10	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$1,7 \times 10^2$	3.000	5.000
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,0108
12	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00008)	0,0054	0,0108
13	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,108	0,54
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,054	0,108
15	Hàm lượng Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,054	0,108
16	Hàm lượng Crom III (Cr^{3+})	mg/L	US EPA Method 200.7 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,005)	0,216	1,08
17	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	2,16	2,16
18	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)	3,24	3,24
19	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,216	0,54
20	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,01)	0,54	1,08
21	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,04)	1,08	5,4
22	Hàm lượng Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500- CN^- .C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,0756	0,108
23	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	KPH (MDL = 0,0003)	0,108	0,54
24	Hàm lượng Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	SMEWW 4500- S^{2-} .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)	0,216	0,54
25	Hàm lượng Florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4500 F^- .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	5,4	10,8
26	Hàm lượng Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL = 0,30)	1,08	2,16

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 323009/MT/053009/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025

Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 4 (Nước thải tại khu vực bồn dầu nhập khẩu)
Tọa độ: 0573680/1120754
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/09/2025 đến 08/10/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 053009MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h50 đến 11h10 ngày 30/09/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	(*) Mức giới hạn	
					Cột A	Cột B, Kho
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,70 (tại 28,8°C)	6-9	5,5-9
2	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	18,00	54	100
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	16	81	100
4	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)	5,4	15

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 29:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, mã số mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Name of sample, sample code and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 333009/MT/053009/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 1/1

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải 5 (Nước thải tại khu vực bồn dầu nội địa)
Tọa độ: 0573655/1120735
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 2,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/09/2025 đến 08/10/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 053009MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h50 đến 11h10 ngày 30/09/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.
9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	(*) Mức giới hạn	
					Cột A	Cột B, Kho
1	pH	-	TCVN 6492:2011	8,38 (tại 28,8°C)	6-9	5,5-9
2	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	20,00	54	100
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	18	81	100
4	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)	5,4	15

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 29:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, mã số mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Name of sample, sample code and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 343009/MT/053009/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mặt 1 (Tại sông Hậu cách điểm xả 100m về phía thượng lưu)
Tọa độ: 0573373/1121417
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 3,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/09/2025 đến 08/10/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 053009MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h50 đến 11h10 ngày 30/09/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,65 (tại 30,4°C)	6,5 - 8,5
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	13	≤ 4
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	23	≤ 10
4	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 12026:2018	7,10	≥ 6,0
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	68,00	≤ 25
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,07	0,3
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	14,18	250
8	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	1

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt theo Bảng 1 và mức phân loại A Bảng 2 (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



KẾ GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
9	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NO_2^- B:2023	KPH (MDL = 0,01)	0,05
10	Hàm lượng Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2023	0,59	-
11	Hàm lượng Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2023	KPH (MDL = 0,02)	-
12	Hàm lượng Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500- CN^- .C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,01
13	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,01
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,005
15	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,02
16	Hàm lượng Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,01
17	Hàm lượng Crom tổng (Cr)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	0,05
18	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	0,1
19	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)	0,5
20	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,1
21	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,05	0,1
22	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	1,18	0,5
23	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0008)	0,001
24	Hàm lượng Dầu mỡ tổng	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL = 0,90)	-
25	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$3,4 \times 10^3$	≤ 1.000

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.

2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.

3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ
CANTHO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2 - TP. Cần Thơ Add: No 45 - 3/2 Street Cantho City Tel: 0292.3830353 - Fax: 0292.3833976
Email: catech@cantho.gov.vn Website: catech.vn



Số: 353009/MT/053009/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu và ký hiệu : Nước mặt 2 (Tại sông Hậu cách điểm xả 100m về phía hạ lưu)
Tọa độ: 0574089/1120971
2. Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 3,2 lít)
3. Ngày nhận mẫu : 30/09/2025
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
5. Ngày thử nghiệm : Từ 30/09/2025 đến 08/10/2025
6. Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẦN THƠ - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 01 Lê Hồng Phong, phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
7. Lưu mẫu : Không ☒ Có ☐ Đến ngày:
8. Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc môi trường số 053009MT
- Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 09h50 đến 11h10 ngày 30/09/2025 tại Nhà máy Nhiệt Điện Ô Môn I - Số 148, Tỉnh lộ 920, KV. Thới Lợi, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,68 (tại 30,3°C)	6,5 - 8,5
2	Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	12	≤ 4
3	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	24	≤ 10
4	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 12026:2018	7,25	≥ 6,0
5	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	78,00	≤ 25
6	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,08	0,3
7	Hàm lượng Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	12,76	250
8	Hàm lượng Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH (MDL = 0,14)	1

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - (*) QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt theo Bảng 1 và mức phân loại A Bảng 2 (theo yêu cầu khách hàng); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HÓA SINH

Phạm Văn Tú



Giám đốc
Nguyễn Khánh Ngọc

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng
Name of sample and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ngày: 10/10/2025
Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
9	Hàm lượng Nitrit (NO_2^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NO_2^- :B:2023	KPH (MDL = 0,01)	0,05
10	Hàm lượng Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500- NO_3^- :E:2023	0,55	-
11	Hàm lượng Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P:E:2023	KPH (MDL = 0,02)	-
12	Hàm lượng Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500- CN^- :C&E:2023	KPH (MDL = 0,002)	0,01
13	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,01
14	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)	0,005
15	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,02
16	Hàm lượng Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	SMEWW 3500-Cr:B:2023	KPH (MDL = 0,003)	0,01
17	Hàm lượng Crom tổng (Cr)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	0,05
18	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,005)	0,1
19	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,03)	0,5
20	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)	0,1
21	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US.EPA Method 200.7	0,05	0,1
22	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 200.7	1,48	0,5
23	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0008)	0,001
24	Hàm lượng Dầu mỡ tổng	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL = 0,90)	-
25	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$2,7 \times 10^3$	≤ 1.000

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, nơi gửi được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ (CATECH).
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.